

CÔNG TY CP MAY SÔNG HỒNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số. 21../2018/QĐ-HĐQT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nam Định, ngày 10 tháng 12 năm 2018

| | |
|---|----------|
| SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH | |
| Số:..... | 50895 |
| ĐẾN Ngày:..... | 12/12/18 |
| Chuyển:..... | N/đ |
| Lưu hồ sơ số:..... | |

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần May Sông Hồng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 06 tháng 12 năm 2014;
Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006; Sửa đổi bổ sung ngày 24/11/2010;
Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016;
Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần May Sông Hồng;
Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày ...tháng....năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là “Quy chế Công ty Cổ phần May Sông Hồng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VPCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Thịnh

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| Chương I QUY ĐỊNH CHUNG | 4 |
| Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng | 4 |
| Điều 2. Giải thích từ ngữ | 4 |
| Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin | 5 |
| Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin | 6 |
| Điều 5. Phương tiện công bố thông tin | 6 |
| Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin | 7 |
| Chương II CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY | 7 |
| Mục 1: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ | 7 |
| Điều 7. Công bố báo cáo tài chính năm | 7 |
| Điều 8. Thông tin báo cáo tài chính bán niên | 7 |
| Điều 9. Báo cáo tài chính quý | 8 |
| Điều 10. Các trường hợp phải giải trình nguyên nhân khi công bố báo cáo tài chính | 8 |
| Điều 11. Thông tin báo cáo thường niên | 8 |
| Điều 13. Công bố Thông tin về tình hình quản trị công ty | 9 |
| Điều 14. Thông tin về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông | 9 |
| Điều 15. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài | 9 |
| Điều 16. Công bố thông tin về báo cáo tiến độ sử dụng vốn | 9 |
| Điều 17. Gửi báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn | 10 |
| Mục 2: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG | 10 |
| Điều 18. Công bố thông tin bất thường 24 giờ | 10 |
| Điều 19. Công bố thông tin Đại hội đồng cổ đông bất thường | 12 |
| Điều 20. Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu | 12 |
| Điều 21. Công bố thông tin bất thường trong các trường hợp đặc biệt khác | 12 |
| Mục 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU | 12 |
| Điều 22. Công bố thông tin theo yêu cầu | 12 |
| Mục 4: CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC | 13 |
| Điều 23. Công bố thông tin liên quan đến việc phát hành cổ phiếu, trái phiếu | 13 |
| Điều 24. Thông tin về chào mua công khai | 13 |
| Điều 25. Mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ | 13 |
| Chương III CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN | 14 |
| Điều 26. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn | 14 |
| Điều 27. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ | 14 |
| Chương IV QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN | 15 |
| Điều 28. Tổ chức công bố thông tin | 15 |
| Điều 29. Quy trình công bố thông tin | 16 |
| Điều 30. Bảo quản và lưu giữ thông tin | 17 |
| Chương V XỬ LÝ VI PHẠM | 17 |
| Điều 31. Xử lý vi phạm | 17 |
| Chương VI ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN | 17 |
| Điều 32. Hiệu lực thi hành | 17 |
| Điều 33. Tổ chức thực hiện | 17 |
| PHỤ LỤC 1 QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN | 18 |
| PHỤ LỤC 2 DANH MỤC TÀI LIỆU CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ | 20 |

CÔNG TY CP MAY SÔNG HỒNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nam Định, ngày 10 tháng 12 năm 2018

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-HĐQT ngày 10 tháng 12 năm 2018
của Hội đồng quản trị công ty)

**Chương I.
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty Cổ phần May Sông Hồng khi tham gia thị trường chứng khoán.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Công ty Cổ phần May Sông Hồng;
- b) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin.
- c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1. UBCKNN là chữ viết tắt của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 2. SGDCK là chữ viết tắt của Sở giao dịch Chứng khoán nơi Công ty Cổ phần May Sông Hồng có cổ phiếu niêm yết (Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh)
- 3. Công ty là Công ty Cổ phần May Sông Hồng
- 4. HĐQT là chữ viết tắt của Hội đồng quản trị.
- 5. Đối tượng công bố thông tin là các đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 1 Quy chế này.
- 6. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:
 - a) Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
 - b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;
 - c) Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Công ty;
 - d) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.
- 7. Người nội bộ của Công ty là:
 - a) Thành viên HĐQT;
 - b) Thành viên Ban kiểm soát;

c) Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc; Cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;

d) Kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (khi chưa bổ nhiệm Kế toán trưởng);

d) Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty.

8. *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và Khoản 17 Điều 4 luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.

9. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế này.

10. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin* là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.

11. *Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết* là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.

12. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thực hiện kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định tại Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

13. *Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:

a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

b) Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

14. *Luật Doanh nghiệp* là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

15. *Luật Chứng khoán* là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 đã được sửa đổi theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

16. *Nghị định 58/2012/NĐ-CP* là Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.

17. *Nghị định 60/2015/NĐ-CP* là Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP.

18. *Thông tư 123/2015/TT-BTC* là Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

19. *Thông tư 155/2015/TT-BTC* là Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

20. *Thông tư 162/2015/TT-BTC* là Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:

a) Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

b) Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, đối tượng công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK;

c) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh thư nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax,

email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

2. Các đối tượng công bố thông tin khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công bố thông tin.

3. Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu 05 năm.

4. Ngôn ngữ thông tin công bố là tiếng Việt. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng Tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty.

a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin;

b) Công ty phải đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC cùng với Bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC cho UBCKNN và SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

2. Nhà đầu tư là cá nhân thuộc đối tượng công bố thông tin tại Điểm b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này nếu uỷ quyền cho Công ty công bố thông tin thì nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

Điều 5. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện Công ty sử dụng công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
- c) Trang thông tin điện tử của SGDCK;
- d) Trang thông tin điện tử của Trung tâm lưu ký chứng khoán;
- đ) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử).

2. Công ty sử dụng trang thông tin điện tử để thực hiện công bố thông tin theo quy định sau:

a) Công ty phải báo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi trang thông tin điện tử này;

b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ

đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định của pháp luật;

c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn,...). Công ty báo cáo UBCKNN, SGDK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương II

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Mục 1. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Điều 7. Công bố báo cáo tài chính năm

1. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

b) Trường hợp Công ty có công ty con, công ty liên kết thì Công ty phải công bố thông tin 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng công ty và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

c) Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Công ty.

2. Thời hạn công bố:

a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

b) Trường hợp không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính năm trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính năm hợp nhất; hoặc do các công ty con, công ty liên kết cũng phải lập báo cáo tài chính năm có kiểm toán, báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp thì phải có yêu cầu bằng văn bản gửi UBCKNN xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính năm nhưng thời gian gia hạn tối đa không quá 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

Điều 8. Thông tin báo cáo tài chính bán niên

Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quy chế này. Báo cáo tài chính

bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính bán niên trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính bán niên hợp nhất hoặc báo cáo tài chính bán niên tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Công ty cũng phải lập báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét, báo cáo tài chính bán niên hợp nhất, báo cáo tài chính bán niên tổng hợp thì Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính bán niên khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty, nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

Điều 9. Báo cáo tài chính quý

Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý

a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quy chế này. Toàn văn báo cáo tài chính quý phải được công bố đầy đủ.

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công ty công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét.

Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất hoặc báo cáo tài chính quý tổng hợp; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Công ty cũng phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất, báo cáo tài chính quý tổng hợp thì Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính quý khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty, nhưng tối đa không quá 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

Điều 10. Các trường hợp phải giải trình nguyên nhân khi công bố báo cáo tài chính

a) Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 Quy chế này Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

- Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

- Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

b) Công ty giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại điểm a Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất.

Điều 11. Thông tin báo cáo thường niên

1. Báo cáo thường niên được lập theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC.

2. Thời hạn công bố chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

Điều 12. Công bố Thông tin về tình hình quản trị công ty

Công ty công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty định kỳ 06 tháng và năm theo năm dương lịch theo Phụ lục số 05 của Thông tư 155/2015/TT-BTC.

Ngoài ra, Công ty phải gửi Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty 06 tháng đầu năm và cả năm dương lịch gửi đến SGDCK thành phố Hồ Chí Minh các tài liệu sau:

- a) Một (01) bản báo cáo theo mẫu CBTT/SGDHCM-03 kèm theo Quy chế CBTT của SGDCK Thành phố Hồ Chí Minh.
- b) Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel.

Thời hạn công bố Báo cáo 06 tháng đầu năm chậm nhất là 30/07 và báo cáo năm chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo.

Điều 13. Thông tin về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trường hợp lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố thông tin tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông

a) Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

b) Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

c) Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản này cho đến khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông.

3. Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 14. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, của SGDCK và Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định tại Thông tư 123/2015/TT-BTC.

Điều 15. Công bố thông tin về báo cáo tiến độ sử dụng vốn

Trường hợp Công ty chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, thực hiện công bố thông tin về báo cáo sử dụng vốn theo quy định tại khoản 6, 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Trường hợp chào bán cổ phiếu riêng lẻ: Công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận.

b) Trường hợp chào bán chứng khoán ra công chúng: Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án; hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được, Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 60/2015/NĐ-CP và công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận.

Điều 16. Gửi báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn

Công ty gửi báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm dương lịch cho Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Báo cáo 6 tháng đầu năm căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/06, gửi tới SGDCK chậm nhất là ngày 30/7; Báo cáo 6 tháng cuối năm căn cứ trên danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12, gửi tới SGDCK chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo, theo Mẫu CBTT/SGDHCM-04 và một bản dữ liệu điện tử định dạng file excel kèm theo Quy chế công bố thông tin của SGDCK Thành phố Hồ Chí Minh.

Mục 2. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Điều 17. Công bố thông tin bất thường 24 giờ

1. Các thông tin bất thường dưới đây được công bố trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Công ty;

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

f) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của công ty; kết quả điều chỉnh hội tổ báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;

g) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; Công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu CBTT/SGDHCM-07 kèm theo Quy chế Công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trong vòng 24 giờ kể từ khi có quyết định thay đổi.

h) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;

i) Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

- Trường hợp mua lại cổ phiếu của người lao động theo chương trình lựa chọn của người lao động hoặc mua lại cổ phiếu lẻ thông qua công ty chứng khoán. Thông tin được công bố trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

- Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

- Trường hợp Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;

- Các trường hợp khác theo quy định công bố thông tin cụ thể đối với từng trường hợp.

Công bố thông tin với SGDCK: thực hiện theo mẫu CBTT/SGDHCM-08 kèm theo Quy chế công bố thông tin tại SGDCK Thành phố Hồ Chí Minh.

l) Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động được sửa đổi, bổ sung; Đối với thông tin công bố về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động (Tên tổ chức, địa chỉ, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, người đại diện theo pháp luật...);

m) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng 03 ngày kể từ ngày CBTT về việc thay đổi nhân sự, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC và Danh sách người nội bộ và người có liên quan theo mẫu CBTT/SGDHCM-05 kèm theo Quy chế CBTT của SGDCK Thành phố Hồ Chí Minh;

Trường hợp có sự thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty yết báo cáo cho SGDCK về thay đổi người có liên quan của người nội bộ theo mẫu CBTT/SGDHCM-06 kèm theo Quy chế này trong vòng ba ngày làm việc kể từ ngày thay đổi.

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có đơn xin từ nhiệm khi chưa được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông, Công ty thực hiện công bố đơn xin từ nhiệm trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được đơn xin từ nhiệm.

n) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;

o) Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế;

p) Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của Công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của Công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, Công ty công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

q) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.

s) Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

t) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Tổng công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của Tổng công ty tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 18. Công bố thông tin Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

2. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

Điều 19. Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

Công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, SGDCK, báo cáo UBCKNN, đồng thời công bố thông tin chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, ngoại trừ trường hợp công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng chốt quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo khoản 1 Điều 12 Quy chế này.

Trường hợp Công ty hủy thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện, các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền của SGDCK, Công ty gửi thông báo bằng văn bản cho SGDCK nêu rõ lý do trong vòng 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời công bố thông tin về việc hủy nội dung thông báo.

Ngoài ra, trong vòng 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng, công ty gửi cho SKDCK các tài liệu sau:

- a) Một (01) bản tóm tắt sổ cổ đông của công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền theo mẫu CBTT/SGDHCM-09 kèm theo Quy chế CBTT của SGDCK Thành phố Hồ Chí Minh
- b) Một (01) bản dữ liệu điện tử định dạng excel danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền.

Điều 20. Công bố thông tin bất thường trong các trường hợp đặc biệt khác

a) Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

b) Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

c) Sau khi chia, tách, sáp nhập, công ty đại chúng là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

Mục 3. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

Điều 21. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công ty công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK trong các trường hợp sau đây:

- a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- b) Có thông tin liên quan đến Công ty làm ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Mục 4. CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC

Điều 22. Công bố thông tin liên quan đến việc phát hành cổ phiếu, trái phiếu

1. Khi phát hành cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng, Công ty thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng.

2. Khi phát hành cổ phiếu, trái phiếu riêng lẻ, Công ty thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán cổ phiếu, trái phiếu riêng lẻ.

Điều 23. Thông tin về chào mua công khai

1. Trường hợp Công ty có cổ phiếu là đối tượng chào mua công khai

a) Khi Công ty nhận được đề nghị chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai cổ phiếu của Công ty phải gửi tài liệu đăng ký chào mua đến UBCKNN và Công ty. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua, Công ty có nghĩa vụ công bố thông tin về việc nhận được đề nghị chào mua trên phương tiện công bố thông tin của Công ty và SGDCK.

b) Công bố ý kiến của HĐQT về đề nghị chào mua công khai

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua, HĐQT phải gửi UBCKNN và thông tin cho cổ đông hoặc nhà đầu tư biết ý kiến của Công ty đối với đề nghị chào mua công khai;

- Ý kiến của HĐQT phải được thể hiện bằng văn bản, có chữ ký của đa số thành viên HĐQT và phải nêu rõ đánh giá của HĐQT đối với việc chào mua cổ phiếu. Trường hợp có ý kiến thành viên HĐQT khác với đánh giá của HĐQT, các bên có liên quan phải công bố kèm theo ý kiến này.

2. Trường hợp Công ty thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của công ty khác thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Chương IV Nghị định 58/2012/NĐ-CP Chương VI Thông tư 162/2015/TT-BTC

Điều 24. Mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ

Công ty khi giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư 155/2015/TT-BTC Luật Chứng khoán, Nghị định 58/2012/NĐ-CP, Nghị định 60/2015/NĐ-CP, Thông tư 162/2015/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn, cụ thể:

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải công bố thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng theo Phụ lục số 24 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải gửi báo cáo kết quả giao dịch cho UBCKNN và công bố thông tin ra công chúng theo mẫu Phụ lục số 25 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC. Trong trường hợp Công ty không thực hiện hết số lượng cổ phiếu dự kiến giao dịch, Công ty phải báo cáo và công bố lý do không hoàn thành.

3. Khi mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ Công ty phải thực hiện công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của SGDCK. Nội dung và thời điểm công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều này.

4. Trường hợp mua lại cổ phiếu, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

5. Trường hợp thay đổi việc mua, bán cổ phiếu quỹ. Công ty phải báo cáo UBCKNN, đồng thời thực hiện công bố thông tin về quyết định thay đổi trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ theo mẫu Phụ lục số 26 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC.

6. Công ty thông báo về thay đổi việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ trên phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời gửi cho UBCKNN trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được UBCKNN chấp thuận thay đổi việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ theo mẫu Phụ lục số 27 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC.

7. Khi thay đổi việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ Công ty phải thực hiện công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của SGDCK. Nội dung và thời điểm công bố thông tin theo quy định tại Khoản 5, 6 Điều này.

Chương III

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 25. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty; khi không còn là cổ đông lớn; khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 26 Thông tư 155/2015/TT-BTC.

Việc thay đổi số lượng cổ phiếu vượt quá các ngưỡng 1% nêu tại khoản 2 Điều 26 Thông tư 155/2015/TT-BTC được xác định tại các ngưỡng 6%, 7%, 8%,... (không căn cứ trên tỷ lệ sở hữu của lần báo cáo gần nhất).

2. Trường hợp tỷ lệ sở hữu cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của cổ đông lớn thay đổi do tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện mua/bán cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu trong khi nhà đầu tư không thực hiện giao dịch mua/bán cổ phiếu hoặc không thực hiện quyền mua cổ phiếu thì không phải công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 26 Thông tư 155/2015/TT-BTC.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại Khoản 1, 2 Điều này được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại Khoản 13 Điều 2 Quy chế này.

4. Quy định tại Khoản 1, 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

5. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 26. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

1. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Thông tư 155/2015/TT-BTC người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ phải công bố thông tin và thực hiện các yêu cầu liên quan về giao dịch như sau:

a) Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc phải công bố thông tin và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...);

b) Mẫu công bố thông tin thực hiện theo Phụ lục số 10 hoặc Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC;

c) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ SGDCK;

d) Không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

2. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 28 Thông tư 155/2015/TT-BTC người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ phải báo cáo và thực hiện các yêu cầu liên quan như sau

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có);

b) Báo cáo thực hiện theo Phụ lục số 12 hoặc Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC;

c) Chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của người nội bộ, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều này.

4. Trường hợp người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

5. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ tại Khoản 1, 2, 3 Điều này.

6. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương IV

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 27. Tổ chức công bố thông tin

1. Thông tin Công ty có nghĩa vụ công bố

a) Công bố thông tin định kì được thực hiện theo một quy trình đảm bảo thông tin luôn được công bố kịp thời, đúng quy định;

b) Các thông tin bất thường về thời gian nhưng thường xuyên phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp cũng được thực hiện theo một quy trình có thể kiểm soát.

c) Các thông tin bất thường khác và thông tin công bố theo yêu cầu phải có quy định xử lý từ khi tiếp nhận thông tin đến khi công bố thông tin.

2. Các thông tin Công ty tiếp nhận từ các đối tượng có nghĩa vụ công bố

a) Công ty lập, lưu trữ thông tin, cập nhật danh sách tổ chức, cá nhân, nhóm người sở hữu 5% số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết đề theo dõi nghĩa vụ công bố thông tin.

b) Công ty lập, lưu trữ danh sách, thông tin người nội bộ và người có liên quan người nội bộ. Danh sách và thông tin được cập nhật thường xuyên mỗi khi có thay đổi.

c) Việc tiếp nhận, xử lý thông tin từ các đối tượng có nghĩa vụ công bố ở Điều a, b Khoản này và các đối tượng khác, sau đó Công ty thực hiện công bố theo quy định phải được xác lập bằng một quy trình có thể kiểm soát.

Điều 28. Quy trình công bố thông tin

1. Tiếp nhận yêu cầu công bố thông tin

a) Thông tin định kì đã được xác lập về thời gian và giao cho từng cá nhân, đơn vị cụ thể có trách nhiệm xử lý thông tin.

b) Việc tiếp nhận từng loại thông tin bất thường, thông tin theo yêu cầu phải công bố phải được giao cụ thể cho từng đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận. Khi có thông tin đến, bất cứ cá nhân, đơn vị nào tiếp nhận cũng phải được chuyển đến đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận để xử lý chuyển tiếp.

2. Xử lý thông tin

a) Xử lý thông tin là quá trình tạo ra thông tin để công bố.

b) Các cá nhân, đơn vị được giao trách nhiệm xử lý thông tin có quyền yêu cầu trong nội bộ Công ty cũng như các đơn vị có vốn góp của Công ty, hoặc các đối tượng liên quan khác cung cấp thông tin để phục vụ xử lý thông tin, phù hợp với các quy định của pháp luật và quy chế của Công ty.

c) Thông tin sau khi xử lý phải được người có trách nhiệm phê duyệt.

d) Thông tin phải có định dạng sau:

- Văn bản là bản chính có đầy đủ dấu và chữ ký hợp lệ theo quy định của pháp luật;

- File dữ liệu điện tử:

+ File có định dạng DOC và EXCEL phải ghi đầy đủ tên và chức vụ người ký văn bản, số hiệu, ngày tháng văn bản;

+ File có định dạng PDF phải từ văn bản gốc có chữ ký và dấu màu đỏ của Công ty.

- File điện tử bản tiếng Việt thống nhất cách đặt tên không dấu, ví dụ "dd/mm/yyyy-Mã CK-Bao cao tài chính riêng nam 2018", " dd/mm/yyyy-Mã CK-Bao cao tài chính hợp nhất nam 2018" và tên phải đồng nhất khi có các định dạng khác nhau.

3. Gửi thông tin công bố

a) Thông tin sau khi được phê duyệt công bố, thông tin được chuyển đến người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền công bố thông tin.

b) Thông tin văn bản được gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp tại trụ sở UBCKNN, SGDCK đồng thời gửi thông tin dưới dạng file điện tử cho UBCKNN, SGDCK theo hình thức được quy định. Trong trường hợp khẩn cấp, thông tin văn bản có thể gửi qua fax và đồng thời gửi bản chính cho UBCKNN, SGDCK.

c) Bộ phận tin học Công ty đăng thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty tại chuyên mục "Quan hệ cổ đông". Trong chuyên mục "Quan hệ cổ đông" có các tiểu mục được quy định cho từng loại thông tin cụ thể.

4. Kiểm tra, nhận phản hồi

a) Đơn vị xử lý thông tin có trách nhiệm kiểm tra thông tin được công bố. Trường hợp phát hiện có sai lệch với thông tin công bố, thì phải báo cáo cho người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin.

b) Trường hợp bên nhận thông tin do Công ty công bố phản hồi về tính chính xác của thông tin, thì các thông tin phản hồi được chuyển về đơn vị có trách nhiệm xử lý báo cáo người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin, đồng thời đề xuất cách xử lý và cải chính thông tin.

Điều 29. Bảo quản và lưu giữ thông tin

1. Về nguyên tắc chung việc lưu giữ các thông tin được công bố là vô thời hạn hoặc tuân thủ theo các quy định riêng của từng loại thông tin. Việc hủy thông tin theo một thời hạn nhất định (nếu có) phải đảm bảo điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 3 Quy chế này. Việc hủy thông tin trên các phương tiện công bố thông tin không đồng nhất với việc hủy thông tin (gốc).

2. Các thư điện tử dùng để gửi thông tin chỉ được xóa khi chắc chắn không còn giá trị tham chiếu về việc gửi thông tin.

3. Thông tin công bố phải được lập hồ sơ lưu giữ tại Văn phòng tổng hợp và đơn vị xử lý thông tin.

4. Việc lưu trữ thông tin phải đảm bảo khả năng truy cập nhanh chóng mỗi khi cần đến.

Chương V XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 30. Xử lý vi phạm

1. Các hành vi vi phạm Quy chế công bố thông tin dẫn đến vi phạm quy định pháp luật về công bố thông tin sẽ bị xem xét xử lý theo quy định tại Điều 7 Thông tư 155/2015/TT-BTC.

2. Tổ chức, cá nhân thuộc Công ty có hành vi vi phạm Quy chế công bố thông tin dẫn đến các hậu quả làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh và uy tín của Công ty, thì tùy theo từng trường hợp cụ thể sẽ bị xem xét xử lý theo các quy định hiện hành của Công ty.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN

Điều 31. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

Điều 32. Tổ chức thực hiện

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Trường hợp SGDCK có hướng dẫn chi tiết cách thức công bố thông tin áp dụng cho các đối tượng công bố thông tin phù hợp với quy định của pháp luật và hệ thống công bố thông tin của SGDCK thì quy trình thực hiện công bố thông tin phải thực hiện theo hướng dẫn của SGDCK.

3. Trường hợp có các quy định pháp luật về công bố thông tin chưa được đề cập tại Quy chế này hoặc có các quy định pháp luật mới ban hành khác với Quy chế này thì phải tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin được nêu tại các quy định pháp luật đó.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, Tổng giám đốc tổng hợp, xem xét trình HĐQT xem xét, quyết định./.









CHỦ TỊCH HĐQT
Bùi Đức Thịnh

PHỤ LỤC 1
QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Quy trình này áp dụng cho việc công bố thông tin của Công ty và trường hợp Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin ủy quyền cho Công ty thực hiện công bố thông tin.

I. Sơ đồ quy trình công bố thông tin

| Bước | Quy trình | Trách nhiệm | Ghi chú |
|------|---|---|---------|
| 1 |  | ĐHĐCĐ, HĐQT, Phòng/Ban, Đơn vị trực thuộc, nhà đầu tư | |
| 2 |  | Người phụ trách CBTT xử lý thông tin trình lãnh đạo phê duyệt | |
| 3 |  | Xem xét nội dung các tài liệu, báo cáo định kỳ | |
| 4 |  | Người phụ trách CBTT thực hiện CBTT | |
| 5 |  | Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền CBTT kiểm tra việc CBTT | |
| 6 |  | Bộ phận văn thư & các bộ phận có liên quan | |

1. Diễn giải

Bước 1. Gửi thông tin

Khi phát sinh các thông tin cần công bố theo quy định, các phòng ban liên quan hoặc nhà đầu tư cần tập hợp tài liệu, thông tin cần công bố gửi đến người phụ trách công bố thông tin.

Bước 2. Xử lý thông tin

Người phụ trách CBTT tiến hành kiểm tra tính chính xác của nội dung các báo cáo, đối chiếu với với các quy định theo Quy chế này và pháp luật hiện hành. Trường hợp thông tin được cung cấp chưa đúng với Quy chế này và của pháp luật, người phụ trách CBTT yêu cầu Phòng/Ban, Nhà đầu tư điều chỉnh, bổ sung thông tin cho phù hợp trong thời hạn công bố thông tin theo quy định.

Việc xử lý thông tin phải được thực hiện trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày nhận được thông tin (các trường hợp CBTT bất thường hoặc theo yêu cầu thì thời hạn sẽ được thông báo cụ thể).

Bước 3. Báo cáo người đại diện theo pháp luật

Người phụ trách CBTT báo cáo người đại diện theo pháp luật các thông tin cần công bố. Người đại diện theo pháp luật phải phê duyệt thông tin trong vòng ba (03) ngày trước ngày Tổng công ty phải CBTT theo quy định (các trường hợp CBTT bất thường hoặc theo yêu cầu thì thời hạn sẽ được thông báo cụ thể).

Bước 4. Thực hiện báo cáo công bố thông tin

Người phụ trách CBTT gửi văn bản công bố thông tin kèm dữ liệu điện tử đến UBCKNN, SGDCK, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, đồng thời gửi người phụ trách website đăng tải thông tin lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Bước 5. Kiểm tra thông tin đã công bố

Người phụ trách CBTT kiểm tra các thông tin đã báo cáo với UBCKNN, SGDCK, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam trong vòng 03 ngày kể từ ngày gửi báo cáo. Trường hợp văn bản công bố thông tin chưa tới nơi cần công bố, người phụ trách CBTT kiểm tra và gửi lại báo cáo.

Bước 6. Lưu trữ

Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo sẽ do văn phòng HĐQT lưu trữ bằng văn bản tối thiểu trong thời hạn 10 năm và dữ liệu điện tử trong thời hạn 05 năm để phục vụ cho việc kiểm tra, đối chiếu lại khi cần thiết.

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC TÀI LIỆU CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

| STT | CBTT Định kỳ | Báo cáo | Thời điểm CBTT | Thời hạn cuối cùng | Biểu mẫu |
|-----|-----------------|---|--|--|----------|
| 1 | Quý I | BCTC Quý I/XX | | 20/04/XX Nếu gia hạn: 30/04/2017 | |
| 2 | Quý 2 | BCTC Quý II/XX | | 20/07/2017 Nếu gia hạn: 30/07/2017 | |
| | | BCTC bán niên đã được soát xét | <i>Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo soát xét</i> | 14/08/XX Nếu được gia hạn: 29/08/XX | |
| | | Báo cáo danh sách cổ đông lớn, cổ đông chiến lược, cổ đông nhà nước... | <i>Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/05</i> | 10/06/XX | |
| | | Báo cáo quản trị 6 tháng đầu năm XX | | 30/07/XX | |
| 3 | Quý III | BCTC Quý III/XX | | 20/10/XX Nếu được gia hạn: 30/10/XX | |

| | | | | | |
|--|---|--|--|---|--------------------|
| 4 | Quý IV | BCTC Quý IV/XX | | 20/01/XX+1 Nếu được gia hạn: 30/01/XX+1 | |
| 5 | Năm | Báo cáo quản trị năm XX | | 30/01/XX+1 | |
| | | Báo cáo danh sách cổ đông lớn, cổ đông chiến lược, cổ đông nhà nước. | <i>căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/11</i> | 10/12/XX | |
| | | Báo cáo tài chính kiểm toán năm XX | <i>Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo</i> | 31/03/XX+1 Nếu được gia hạn: 10/04/XX+1 | |
| | | Báo cáo thường niên năm XX | <i>Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán</i> | 20/04/XX+1 | TT155 - Phụ lục 04 |
| | | Tài liệu ĐHĐCĐ | <i>Trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông chậm nhất là mười (10) ngày</i> | - | |
| Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán <i>(Chào bán chứng khoán ra công chúng để huy động vốn cho dự án đầu tư)</i> | <i>Định kỳ sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán</i> | - | TT162 – Phụ lục 13 | | |

Ghi chú: XX: năm của kỳ báo cáo